

Số: 54/NQ-BCH

Thừa Thiên Huế, ngày 25 tháng 05 năm 2019.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH HỘI KHUYẾN HỌC TỈNH THỪA THIÊN HUẾ NHIỆM KỲ III (2014 – 2019) VỀ VIỆC THÀNH LẬP QUỸ HỌC BỔNG KHUYẾN TÀI NGUYỄN CHÍ THANH

Hôm nay, ngày 25 tháng 05 năm 2019, tại trụ Sở Hội Khuyến học tỉnh Thừa Thiên Huế (số 28 đường Nguyễn Tri Phương, TP Huế) Ban Chấp hành Hội Khuyến học tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức Hội nghị Ban Chấp hành nhiệm kỳ III (2014 – 2019) để họp bàn về việc thành lập Quỹ học bổng Khuyến tài Nguyễn Chí Thanh.

Hội nghị có sự tham dự của 23/25 thành viên Ban Chấp hành;

Căn cứ Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Thông tư 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 04 năm 2013 của Bộ Nội vụ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

Hội nghị đã tập trung lắng nghe Đề án thành lập Quỹ do Ban Thường vụ Hội Khuyến học tỉnh trình bày và Dự thảo điều lệ Quỹ học bổng Khuyến tài Nguyễn Chí Thanh trực thuộc Hội Khuyến học tỉnh Thừa Thiên Huế.

BAN CHẤP HÀNH HỘI KHUYẾN HỌC TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất giao Ban Thường vụ Hội Khuyến học tỉnh tiến hành các thủ tục thành lập Quỹ học bổng Khuyến tài Nguyễn Chí Thanh trực thuộc Hội Khuyến học tỉnh Thừa Thiên Huế theo tôn chỉ, mục đích được nêu trong Dự thảo điều lệ đã được các sở, ban, ngành liên quan góp ý.

2. Thống nhất tạm trích từ Quỹ khuyến học, khuyến tài thuộc Hội Khuyến học tỉnh Thừa Thiên Huế số tiền: 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng chẵn./.) làm tài sản đóng góp để thành lập Quỹ học bổng Khuyến tài Nguyễn Chí Thanh.

Sau khi Quỹ học bổng khuyến tài Nguyễn Chí Thanh được thành lập và vận động nguồn đóng góp từ các nhà tài trợ đạt số dư trên 2 tỷ đồng thì Quỹ học bổng Khuyến tài Nguyễn Chí Thanh có trách nhiệm hoàn trả số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) tạm trích ban đầu cho Quỹ Khuyến học, Khuyến tài.

3. Thống nhất cử 05 đồng chí thuộc Ban Chấp hành Hội Khuyến học tỉnh tham gia Ban Sáng lập Quỹ học bổng Nguyễn Chí Thanh gồm:

3.1. Ông Nguyễn Văn Mễ, Chủ tịch Hội Khuyến học tỉnh Thừa Thiên Huế.

Huế 3.2. Ông Nguyễn Hữu Lễ, Phó Chủ tịch Hội Khuyến học tỉnh Thừa Thiên

Huế. 3.3. Ông Đặng Phước Mỹ, Phó Chủ tịch Hội Khuyến học tỉnh Thừa Thiên

3.4. Ông Phan Công Tuyên, ủy viên Thường vụ Hội Khuyến học tỉnh.

3.5. Bà Ngô Thị Thu Hương, Trưởng Ban Tuyên giáo và Nữ công, Liên đoàn lao động tỉnh, ủy viên BCH Hội Khuyến học tỉnh.

Giao cho Ông Nguyễn Văn Mễ, Chủ tịch Hội Khuyến học tỉnh chủ trì họp Ban sáng lập để bầu các chức danh Trưởng Ban, Phó ban và Ban viên theo tinh thần dân chủ và phân công nhiệm vụ cho từng chức danh để đẩy nhanh tiến độ thành lập Quỹ.

4. Sau khi thành lập được Quỹ học bổng Khuyến tài Nguyễn Chí Thanh Ban Sáng lập Quỹ có trách nhiệm mời đại diện các Sở, ngành sau vào Hội Đồng Quản lý Quỹ học bổng Khuyến tài Nguyễn Chí Thanh gồm:

- Đại diện Hội Khuyến học tỉnh Thừa Thiên Huế do ban Điều hành thống nhất cử.

- Đại diện lãnh đạo Sở Giáo dục - Đào tạo.

- Đại diện Sở Tài chính.

- Đại diện Liên đoàn Lao động.

- Đại diện Tỉnh Đoàn TNCSHCM.

Ưu tiên chọn đại diện các Sở ngành là các vị đã được bầu vào Ban chấp hành Hội Khuyến học tỉnh.

Sau khi thống nhất danh sách Hội đồng Quản lý Quỹ học bổng Khuyến tài Nguyễn Chí Thanh, Ban Sáng lập Quỹ có trách nhiệm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Hội đồng quản lý Quỹ và tiến hành các thủ tục để bầu Ban kiểm soát Quỹ theo đúng các quy định hiện hành.

TM. BCH HỘI KHUYẾN HỌC TỈNH T.T-HUẾ
HỘI KHUYẾN HỌC CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Các UV BCH;
- HKH các huyện, thị xã và thành phố Huế;
- Lưu VP.



Nguyễn Văn Mễ

GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN

Tại ngày 24/6/2019

Kính gửi: Chi nhánh NH No & PTNT tỉnh Thừa Thiên Huế

Hội khuyến học tỉnh Thừa Thiên Huế kính đề nghị Quý cơ quan đối chiếu, xác nhận số dư tài khoản và gửi lại cho chúng tôi theo nội dung sau:

Tên Tài khoản: HỘI KHUYẾN HỌC TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: 28 Nguyễn Tri Phương, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Có tại NHNo&PTNT Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên Huế.

Số liệu theo sổ sách	Số liệu tại Quý ngân hàng	Ghi chú
1. Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn:		
Số TK: : 4000201005044. Loại tiền gửi: VND	<i>Số TK: 4000201005044</i>	
Số dư: 114.050.523,0 VND	<i>Số dư: 114.050.523 VND</i>	
2. Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng:		
Số TK: : 4000630008300. Loại tiền gửi: VND	<i>Số TK: 4000630008300</i>	
Số dư: 1.300.000.000,0 VND	<i>Số dư: 1.300.000.000 VND</i>	

HỘI KHUYẾN HỌC TỈNH TT HUẾ



Nguyễn Hữu
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hữu



Phan Cảnh Quỳnh Chi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CAM KẾT

Tài sản đóng góp thành lập Quỹ học bổng Khuyến tài Nguyễn Chí Thanh

Theo quy định tại Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và quy định của pháp luật có liên quan; Ban Sáng lập Quỹ học bổng Khuyến tài Nguyễn Chí Thanh cam kết số tiền và tài sản được quy đổi ra tiền đồng Việt Nam đóng góp thành lập Quỹ:

1. Tổng giá trị số tiền và tài sản là: 1.000.000.000 đồng.

(bằng chữ: Một tỷ đồng)

2. Tiền mặt dự kiến chuyển vào tài khoản của Quỹ sau khi thành lập

Số tiền: **1.000.000.000 đồng**

(bằng chữ: Một tỷ đồng)

Ban Sáng lập Quỹ cam kết số tiền và tài sản đóng góp thành lập Quỹ thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Hội Khuyến học tỉnh Thừa Thiên Huế, không có tranh chấp và việc cam kết này là hoàn toàn tự nguyện. Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam kết của Ban Sáng lập. Toàn bộ tài sản này sẽ được chuyển quyền sở hữu cho Quỹ học bổng Khuyến tài Nguyễn Chí Thành ngay sau khi có Quyết định cấp Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ theo quy định của pháp luật./.

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 9 năm 2019.

CÁC THÀNH VIÊN BAN SÁNG LẬP

TRƯỞNG BAN SÁNG LẬP



Nguyễn Văn Mễ

Số: 2110/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 10 năm 2015

1cc: Anh M
Lan

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ Hội Khuyến học tỉnh Thừa Thiên Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 918 /TTr-SNV ngày 12 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Khuyến học tỉnh Thừa Thiên Huế đã được Đại hội lần thứ III, nhiệm kỳ 2014 - 2019 của Hội Khuyến học tỉnh Thừa Thiên Huế thông qua ngày 26 tháng 5 năm 2014.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Hội Khuyến học tỉnh Thừa Thiên Huế và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP: VX; CV: VH, TH
- Lưu: VT, KNNV.



Nguyễn Dung

ĐIỀU LỆ
HỘI KHUYẾN HỌC TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 2110 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh*)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Khuyến học tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Tên tiếng Anh: ThuaThienHue Association for Promoting Education (viết tắt là: HAPE)

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Khuyến học tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội của mọi công dân Việt Nam đang sinh sống trên địa bàn tỉnh, có tâm huyết với sự nghiệp “trồng người”, góp sức phấn đấu cho phong trào “*toàn dân học tập, toàn dân tham gia làm giáo dục*”, “*cả tỉnh trở thành một xã hội học tập*” nhằm nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực và đào tạo nhân tài cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở địa phương.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại 28 Nguyễn Tri Phương, Thành phố Huế (Trụ sở Văn phòng Trường Đại học Phú Xuân).

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

Hội Khuyến học tỉnh hoạt động trong lĩnh vực khuyến học trên phạm vi toàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hội chịu sự quản lý Nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Nội vụ và cơ quan quản lý chuyên ngành là Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.
3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

Công dân Việt Nam có tâm huyết với sự nghiệp khuyến học khuyến tài, tán thành Điều lệ Hội Khuyến học tỉnh, tự nguyện hoạt động cho Hội đều được xem xét, công nhận là hội viên của Hội.

Hội viên liên kết, hội viên danh dự: Những công dân Việt Nam không có điều kiện để tham gia Hội thường xuyên, nhưng có nhiều đóng góp với Hội thì có thể được Hội công nhận là hội viên liên kết, hội viên danh dự hoặc hội viên tán trợ của Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội và các cơ quan có thẩm quyền.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự hoặc hội viên tán trợ được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội

Hội viên muốn vào Hội phải tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội. Ban Chấp hành hội cơ sở xem xét quyết định kết nạp và cấp thẻ hội viên.

Khi hội viên muốn ra khỏi Hội phải báo cáo để Ban Chấp hành Hội cơ sở (Chi hội, Ban khuyến học...) thu lại thẻ hội viên và xóa tên trong danh sách hội viên.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.

4. Ban Kiểm tra.

5. Văn phòng (nếu có).

6. Quỹ Khuyến học, khuyến tài (nếu có).

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 tổng số ủy viên Ban Chấp hành chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các hoạt động có liên quan.

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 15% so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 2 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có quá 50% ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi tháng họp 1 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Thường vụ yêu cầu.

Điều 16. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 17. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban và một số ủy viên. Ban Kiểm tra do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 18. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội, và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 19. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao;

- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;

- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 21. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 22. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức phê bình, cảnh cáo hoặc khai trừ khỏi Hội.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỹ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội toàn thể hội viên hoặc Đại hội đại biểu của Hội mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ. Toàn bộ các nội dung được sửa đổi, bổ sung phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để được phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này gồm 8 Chương, 24 Điều, đã được Đại hội Đại biểu Hội Khuyến học tỉnh Thừa Thiên Huế lần thứ III thông qua ngày 26 tháng 5 năm 2014 tại thành phố Huế và có hiệu lực sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ký quyết định phê duyệt.

KT. CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ



Nguyễn Dung